

Lịch 2026

Năm Bính Ngo · ngày lễ theo Bộ luật Lao động 2019 và Nghị quyết 28/2026/QH16, lịch nghỉ của công chức · tuần bắt đầu thứ Hai

13 ngày lễ và nghỉ bù · 249 ngày công
Vòng tròn: ngày lễ, nghỉ bù · Nét đứt: tham khảo
Ô vuông: nghỉ hoán đổi · Gạch trên: làm bù
Ô xám: Chủ nhật, ngày lễ

Tháng 1							21 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
			①	②	3	4	
5	6	7	8	9	10	11	
12	13	14	15	16	17	18	
19	20	21	22	23	24	25	
26	27	28	29	30	31		

Tháng 2							15 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
						1	
2	3	4	5	6	7	8	
9	10	11	12	13	14	15	
⑩	⑪	⑫	⑬	⑭	21	22	
23	24	25	26	27	28		

Tháng 3							22 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
						1	
2	3	4	5	6	7	8	
9	10	11	12	13	14	15	
16	17	18	19	20	21	22	
23	24	25	26	27	28	29	
30	31						

Tháng 4							20 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
		1	2	3	4	5	
6	7	8	9	10	11	12	
13	14	15	16	17	18	19	
20	21	22	23	24	25	⑫	
⑬	28	29	⑭				

Tháng 5							20 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
				①	2	3	
4	5	6	7	8	9	10	
11	12	13	14	15	16	17	
18	19	20	21	22	23	24	
25	26	27	28	29	30	31	

Tháng 6							22 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
1	2	3	4	5	6	7	
8	9	10	11	12	13	14	
15	16	17	18	19	20	21	
22	23	24	25	26	27	28	
29	30						

Tháng 7							23 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
		1	2	3	4	5	
6	7	8	9	10	11	12	
13	14	15	16	17	18	19	
20	21	22	23	24	25	26	
27	28	29	30	31			

Tháng 8							21 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
					1	2	
3	4	5	6	7	8	9	
10	11	12	13	14	15	16	
17	18	19	20	21	22	23	
24	25	26	27	28	29	30	
⑬							

Tháng 9							20 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
	①	②	3	4	5	6	
7	8	9	10	11	12	13	
14	15	16	17	18	19	20	
21	22	23	24	25	26	27	
28	29	30					

Tháng 10							22 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
			1	2	3	4	
5	6	7	8	9	10	11	
12	13	14	15	16	17	18	
19	20	21	22	23	24	25	
26	27	28	29	30	31		

Tháng 11							20 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
						1	
2	3	4	5	6	7	8	
9	10	11	12	13	14	15	
16	17	18	19	20	21	22	
23	⑭	25	26	27	28	29	
30							

Tháng 12							23 ngày công
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	
	1	2	3	4	5	6	
7	8	9	10	11	12	13	
14	15	16	17	18	19	20	
21	22	23	24	25	26	27	
28	29	30	31				

Ngày lễ

- ① T5 1/1 **Tết Dương lịch**
② T6 2/1 **Nghỉ hoán đổi Tết Dương lịch** (tham khảo)
⑩ T7 10/1 **Làm bù Tết Dương lịch** (tham khảo)
⑩ T2 16/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑪ T3 17/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑫ T4 18/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑬ T5 19/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑭ T6 20/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑮ CN 26/4 **Giỗ Tổ Hùng Vương**

- ⑮ T2 27/4 **Nghỉ bù Giỗ Tổ Hùng Vương**
⑮ T5 30/4 **Ngày Chiến thắng**
① T6 1/5 **Ngày Quốc tế Lao động**
② T7 22/8 **Làm bù Quốc khánh** (tham khảo)
③ T2 31/8 **Nghỉ hoán đổi Quốc khánh** (tham khảo)
① T3 1/9 **Quốc khánh** (tham khảo)
② T4 2/9 **Quốc khánh**
④ T3 24/11 **Ngày Văn hóa Việt Nam**